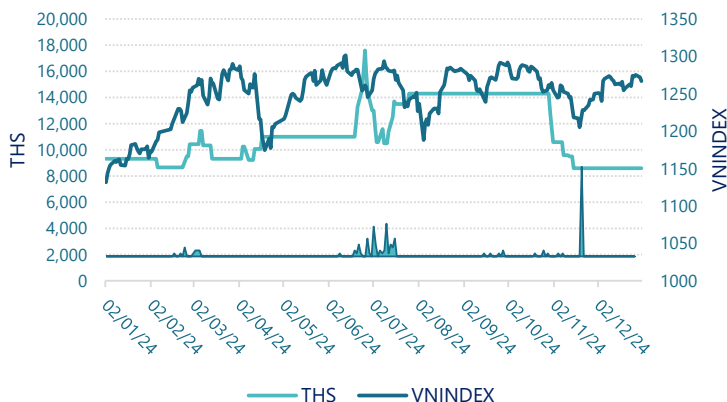




CTCP Thanh Hoa - Sông Đà (HNX: THS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	8,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,600
SL cổ phiếu LH	2,700,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	23
P/E	18.7
EPS	460

DT thuần

Q4/24

60.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.70 | 16.7%

YoY: ▲ 11.4 | 23.1%

LN sau thuế

Q4/24

0.33

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.09 | 38.6%

YoY: ▼ 0.45 | -57.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

1.4%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần

2024

268

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 41.0 | 18.4%

LN sau thuế

2024

1.09

tỷ VNĐ

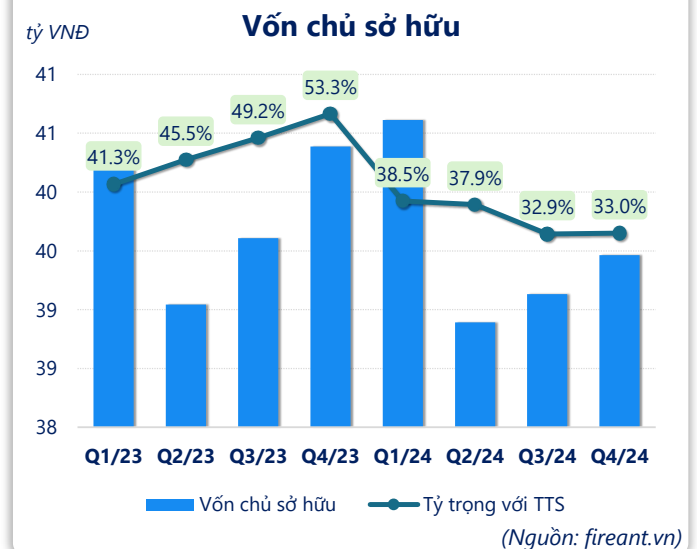
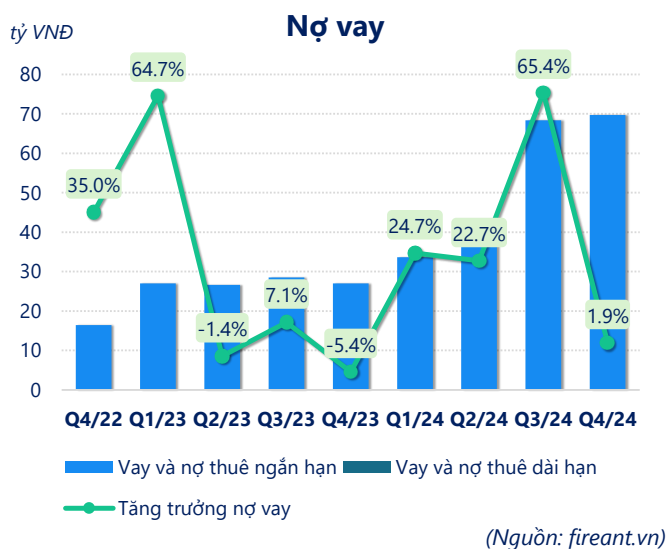
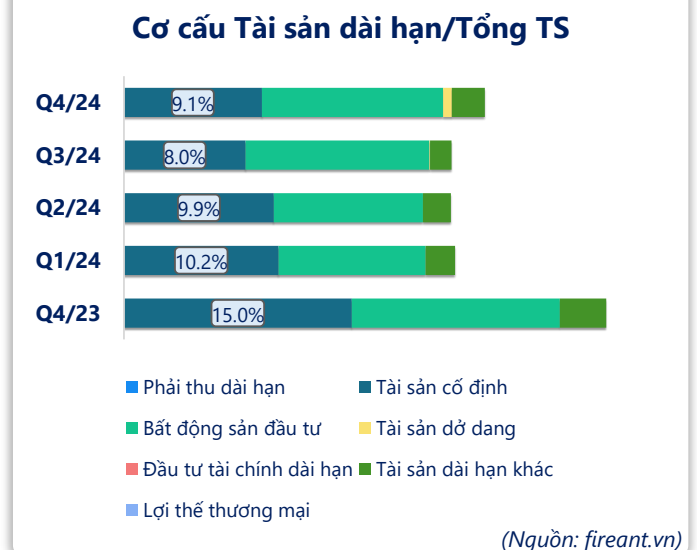
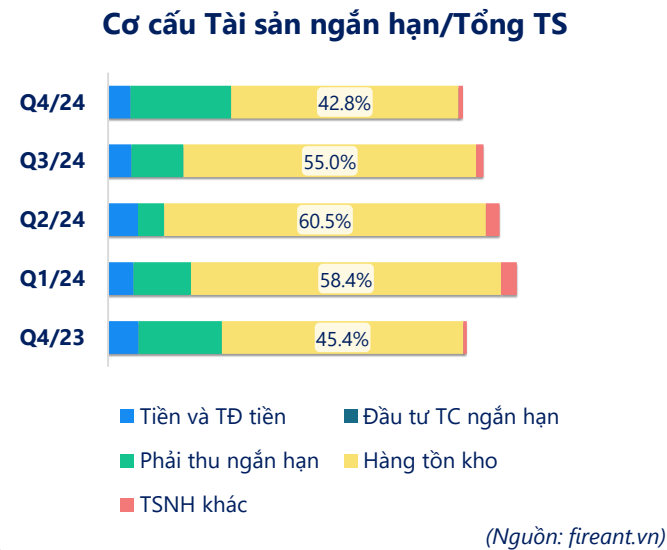
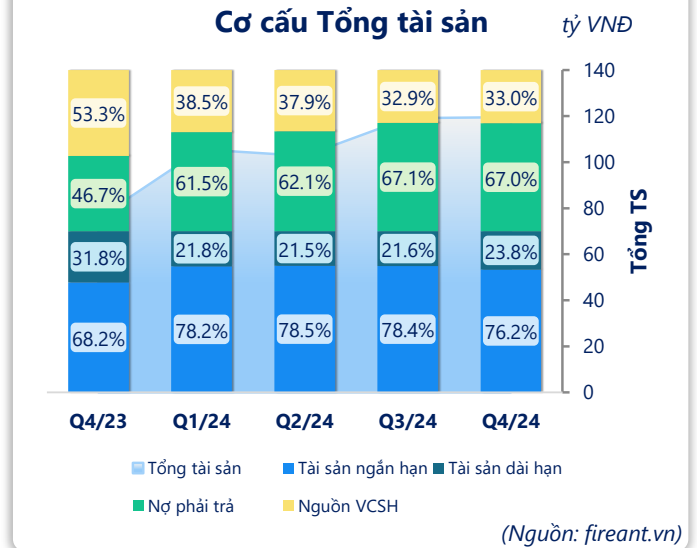
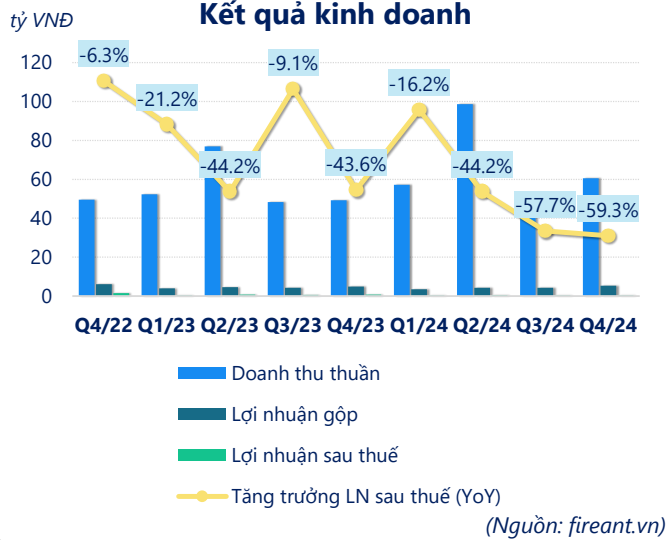
YoY: ▼ 1.27 | -53.9%

ROE

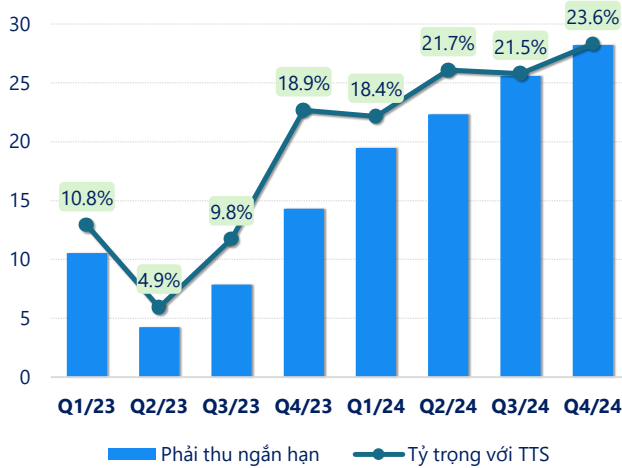
2024

2.7%

+/- YoY: ▼ 3.1%

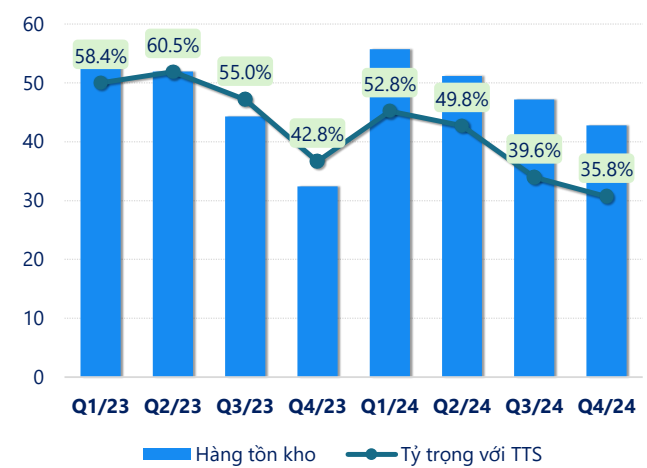


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


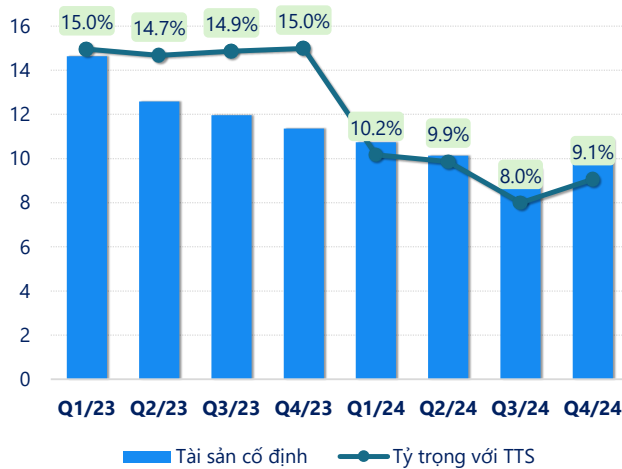
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


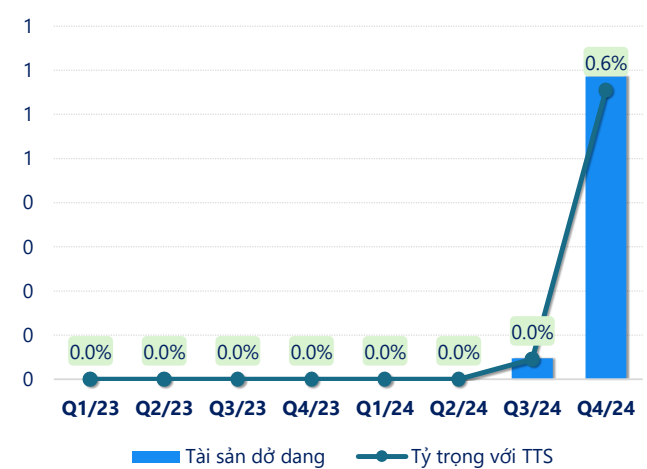
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

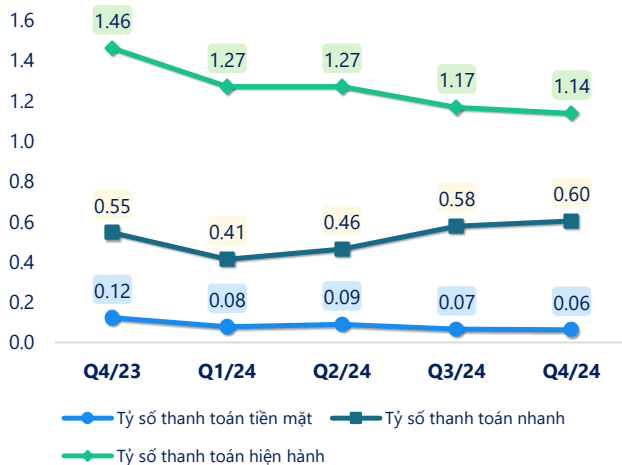
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

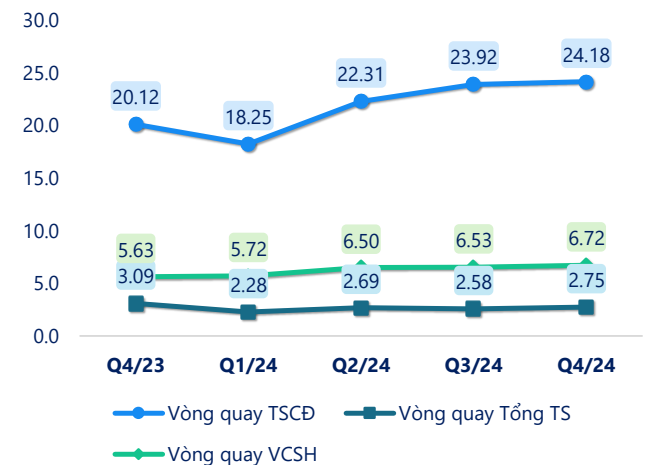
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	75.7	106	103	119	120
Tài sản ngắn hạn	51.7	82.6	80.6	93.4	91.1
Tiền và tương đương tiền	4.36	5.07	5.75	5.26	5.06
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	14.9	14.9
Phải thu ngắn hạn	14.3	19.5	22.3	25.6	28.2
Hàng tồn kho	32.4	55.7	51.2	47.2	42.8
Tài sản ngắn hạn khác	0.62	2.30	1.34	0.53	0.21
Tài sản dài hạn	24.0	23.0	22.1	25.7	28.4
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	11.4	10.7	10.1	9.52	10.8
Bất động sản đầu tư	10.4	10.2	10.1	14.4	14.3
Tài sản dở dang	0	0	0	0.05	0.69
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.31	2.05	1.89	1.67	2.60
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	35.3	65.0	63.8	79.9	80.1
Nợ ngắn hạn	35.3	65.0	63.4	79.9	80.1
Vay và nợ thuê ngắn hạn	27.0	33.7	41.3	68.4	69.7
Phải trả người bán ngắn hạn	7.41	30.3	20.8	9.87	9.42
Nợ dài hạn	0	0	0.42	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	40.4	40.6	38.9	39.1	39.5
Vốn chủ sở hữu	40.4	40.6	38.9	39.1	39.5
Vốn điều lệ	30.0	30.0	30.0	30.0	30.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)